|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH KIÊN GIANG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| SỞ Y TẾ | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: /QĐ-SYT | *Kiên Giang, ngày tháng năm 2025* |

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy trình trình, kiểm tra, đánh giá hồ sơ và quyết định mua sắm áp dụng cho mua sắm, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 06 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023;*

*Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao nhiệm vụ và uỷ quyền thực hiện một số nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng và mua sắm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Kiên Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Y tế tỉnh Kiên Giang;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính Sở Y tế.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình trình, kiểm tra, đánh giá hồ sơ và quyết định mua sắm áp dụng cho mua sắm, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch-Tài chính Sở Y tế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Nơi nhận:*  - Như Điều 3;  - GĐ và các PGĐ SYT;  - Trang VPĐT;  - Lưu: VT, KHTC, đhanh. |  | GIÁM ĐỐC |

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH KIÊN GIANG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| SỞ Y TẾ | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

QUY TRÌNH

Trình, kiểm tra, đánh giá hồ sơ và quyết định mua sắm áp dụng cho mua sắm, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công, mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế thuộc phạm vi quản lý của Sở Y tế tỉnh Kiên Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SYT ngày tháng 3 năm 2025*

*của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kiên Giang)*

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy trình về trình, kiểm tra, đánh giá hồ sơ và quyết định mua sắm nhằm đảm bảo đúng quy trình, đồng bộ và tiến độ thực hiện trong công tác tổ chức đấu thầu mua sắm tại các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Y tế.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc và trực thuộc Sở Y tế Kiên Giang.

2. Phạm vi áp dụng

- Quy trình đấu thầu mua sắm cung cấp sản phẩm, dịch vụ công; mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế.

- Phạm vi này áp dụng đối với các gói thầu có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, quỹ bảo hiểm y tế, viện trợ, tài trợ hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác do các cơ quan, đơn vị y tế quản lý.

Điều 3. Căn cứ pháp lý

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 06 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01 tháng 08 năm 2022 của Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Bộ Y tế về việc ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Thông tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phân cấp thẩm quyền quản lý tài sản công; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định thẩm quyền quyết định nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đạ đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3055/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao nhiệm vụ và ủy quyền thực hiện một số nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng và mua sắm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

Chương II

TRÌNH, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VÀ QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM ÁP DỤNG CHO MUA SẮM, CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG, MUA HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM, THIẾT BỊ Y TẾ

Điều 4. Quy trình về trình, kiểm tra, đánh giá hồ sơ và quyết định mua sắm

1. Hồ sơ trình quyết định mua sắm

- Tờ trình phê duyệt quyết định mua sắm *(theo Mẫu 01; đính kèm danh mục: Báo cáo tình hình sử dụng năm trước liền kề; căn cứ xây dựng giá; danh mục mua sắm tại Phụ lục 1, 2, 3, 4);*

- Biên bản họp Hội đồng của đơn vị thống nhất nội dung mua sắm (Mẫu 02);

- Quyết định phê duyệt dự toán mua sắm năm tài chính *(hoặc dự kiến nguồn tài chính hợp pháp cho các năm kế tiếp đối với trường hợp mua sắm cho năm tiếp theo hoặc mua sắm cho nhiều năm).*

- Tài liệu về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động (nếu có).

- Tài liệu căn cứ xây dựng giá *(Thông báo mời chào giá; báo giá, quyết định trúng thầu - Đường link tra cứu/Mã TBMT, Chứng thư thẩm định giá,…);*

- Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

2. Phân cấp thẩm quyền quyết định mua sắm

Thực hiện Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm: Mua sắm tài sản công; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác nhằm duy trì hoạt động thường xuyên có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc tổng nguyên giá từ 01 tỷ đồng trở lên/lần mua sắm.

Sở Y tế kiểm tra, đánh giá hồ sơ, báo cáo và tham mưu trình UBND tỉnh quyết định mua sắm.

b) Sở Y tế quyết định mua sắm: Mua sắm tài sản công; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác nhằm duy trì hoạt động thường xuyên có giá trị dưới 01 tỷ đồng/đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc tổng nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/lần mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, mô tô, ca nô các loại.

c) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Y tế: Quyết định mua sắm tài sản công; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ khác nhằm duy trì hoạt động thường xuyên có giá trị dưới 200 triệu đồng/đơn vị tài sản, hàng hóa, dịch vụ hoặc tổng nguyên giá dưới 200 triệu đồng/lần mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, mô tô, ca nô các loại. Sở Y tế từ chối tiếp nhận hồ sơ trình phê duyệt quyết định mua sắm được quy định tại nội dung này.

3. Thời gian kiểm tra, đánh giá hồ sơ thuộc điểm a, b khoản 2 Điều 4 của Quy trình này *(từ ngày nhận đủ hồ sơ)*: Tuỳ theo nội dung dự toán mua sắm, tính chất và quy mô của công việc thì thời gian kiểm tra, đánh giá cụ thể như sau:

- Đối với danh mục mua sắm cung cấp sản phẩm; mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Số lượng mặt hàng  trình mua sắm | Thời gian kiểm tra, đánh giá (ngày làm việc) | Ghi chú |
| 1 | Dưới 500 | 05-07 ngày |  |
| 2 | Từ 500 đến dưới 1.000 | 07-10 ngày |  |
| 3 | Từ 1.000 trở lên | 10-15 ngày |  |

- Đối với mua sắm cung cấp dịch vụ công thời gian kiểm tra, đánh giá *(ngày làm việc)*: 05-07 ngày.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở tổ chức thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, các nhân có liên quan phản ánh về Sở Y tế xem xét, giải quyết

- Các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy trình này khi được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bằng các văn bản khác thì nội dung việc dẫn được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ đó./.

Phụ lục

Các biểu mẫu và các văn bản trong quy trình

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu 01 | Tờ trình phê duyệt Quyết định mua sắm |
| Mẫu 02 | Biên bản họp Hội đồng đơn vị mua sắm |
| Phụ lục 01 | Báo cáo tình hình sử dụng năm trước liền kề |
| Phụ lục 02 | Căn cứ xây dựng giá |
| Phụ lục 03 | Danh mục trình mua sắm |
| Phụ lục 04 | Danh sách công ty báo giá |